

Bản án số: 188/2024/DS-ST

Ngày 22 - 7 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Công Minh

Ông Hà Trọng Tâm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Xuân Thùy Dương - là Thư ký tra viên Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa:**
Ông Trương Hoàng Lo – Kiểm sát viên

Trong ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 199/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2024/QĐXXST-DS ngày 29/5/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Tô Ngọc Đ, sinh năm 1967(có mặt)

Địa chỉ cư trú: Số F, N, khóm H, Phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:** Ông Trần Thanh N, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Số A, Trương Phùng X, khóm B, Phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1991 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2/ Ông Dương Văn T1, sinh năm 1991 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn là ông Tô Ngọc Đ trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Vào ngày 29/11/2023, ông bán cho ông Trần Thanh N một lô máy đã qua sử dụng gồm 272 cái với số tiền bán là 1.000.000.000đ (một tỷ đồng), thỏa thuận ngày 30/11/2023, ông N trả trước cho ông 400.000.000đ, đến ngày 10/01/2024, ông N sẽ thanh toán 600.000.000đ là trả đủ số tiền 1.000.000.000đ. Việc mua bán và

thỏa thuận thời hạn thanh toán nêu trên được ông N viết giấy tay và ký ghi họ tên. Số máy này ông đã mua trúng tài sản đấu giá của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh C vào ngày 11/8/2023.

Quá trình thực hiện thỏa thuận mua bán giữa ông và ông N, ông đã giao 272 cái máy cũ cho ông N, ông Nguyễn Văn T là người nhận số máy này theo yêu cầu của ông N. Ông N đã trả cho ông được 400.000.000đ vào ngày 30/11/2023 thông qua chuyển khoản. Đến ngày 10/01/2024, ông N không có tiền trả tiếp 600.000.000đ theo như thỏa thuận nên có thỏa thuận tiếp với ông là ông N sẽ đóng lãi cho ông với mức lãi suất 4%/tháng, khi nào có tiền thì trả dứt điểm. Tuy nhiên, ông N chỉ trả được 02 tháng, là tháng 01 và 02 năm 2024, bằng 48.000.000đ thì ngưng cho đến nay, không trả thêm được khoản nào.

Nay ông yêu cầu ông N có trách nhiệm trả cho ông số tiền mua lô máy còn thiếu là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi trong vụ án này, khi nào cần thiết ông sẽ khởi kiện đòi lãi sau.

Theo như ông biết, sau khi thỏa thuận mua bán số máy này của ông, ông N đã bán lại toàn bộ 272 cái máy này cho ông Nguyễn Văn T, ông Dương Văn T1. Khi nhận lô máy cũ gồm 272 cái, ông T có viết Biên nhận nhận máy. Nội dung biên nhận máy này chỉ thể hiện là ông T đã nhận đủ 272 cái máy cũ do ông trực tiếp giao, còn nội dung chuyển cọc số tiền 400.000.000đ và số tiền còn nợ 300.000.000đ là do ông T và ông N thỏa thuận với nhau, ông T tự viết, ông không để ý đến nội dung này, chỉ để ý nội dung đã nhận đủ 272 cái máy cũ. Việc mua bán 272 cái máy cũ giữa ông N với ông T, ông T1 là giao dịch riêng giữa ông N và ông T, ông T1, không liên quan gì đến ông nên ông không có ý kiến gì.

Trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T tại Biên bản ghi nhận ý kiến của đương sự ngày 09/7/2024 tại tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Sau khi được giới thiệu, ông và ông T1 có hùn hạp với nhau mua 272 cái máy thanh lý của ông Trần Thanh N với giá 700.000.000đ và thỏa thuận, bên ông sẽ trả trước cho ông N 400.000.000đ.

Ngày 15/12/2023, ông được cử đi nhận máy, ông Tô Ngọc Đ là người giao 272 cái máy này cho ông. Khi giao máy, ông Đ yêu cầu ông viết biên nhận máy với nội dung: “Tôi tên Nguyễn Văn T, số CCCD 091091002788 có nhận của anh Tô Ngọc Đ số CCCD 096067008042 272 cái máy thanh lý và chuyển cọc với số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) vào số tài khoản 7500205272485 tên Trần Thị Loan T2 số tiền còn 300.000.000 khi nào chú Đ giao bộ hợp đồng thì tôi sẽ thanh toán số tiền còn lại”. Bên mua Nguyễn Văn T ký tên, bên bán Tô Ngọc Đ ký tên.

Sau khi nhận đủ 272 máy thanh lý, ông T1 đã trả đủ cho ông N số tiền còn thiếu, cụ thể trả vào các ngày:

Cùng ngày 15/12/2023, ông T1 có chuyển trả tiếp cho ông N số tiền 100.000.000đ qua số tài khoản nêu trên cho bà Loan T2.

Ngày 31/12/2023, ông T1 chuyển trả tiếp cho ông N số tiền 100.000.000đ

cũng qua số tài khoản nêu trên cho bà Loan T2.

Ngày 17/01/2024, ông T1 chuyển trả tiếp cho ông N số tiền 50.000.000đ qua số tài khoản 1028276426 của ông N mở tại Ngân hàng V.

Ngày 18/01/2024, ông T1 chuyển trả tiếp cho ông N số tiền 50.000.000đ qua số tài khoản 1028276426 của ông N mở tại Ngân hàng V.

Như vậy, ông và ông T1 đã trả đủ cho ông N số tiền 700.000.000đ để mua 272 cái máy thanh lý theo như thỏa thuận, đôi bên đã thực hiện việc mua bán và thanh toán tiền xong, không có tranh chấp gì. Việc ông Đ bán cho ông N 272 cái máy thanh lý nêu trên và hiện nay kiện ông N đòi nợ tiền mua bán 272 cái máy thanh lý này, ông không có liên quan gì nên không có ý kiến. Do bận công việc nên ông xin vắng mặt tại tất cả các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử của Tòa án.

Trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Dương Văn T1 tại Biên bản ghi nhận ý kiến của đương sự ngày 09/7/2024 tại tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Thông nhất với trình bày của ông Nguyễn Văn T. Ông và ông T có hùn hạp với nhau để mua 272 cái máy thanh lý của ông N với giá 700.000.000đ. Nguồn gốc 272 cái máy này là từ ông N mua của ông Đ. Ngày 15/12/2023, ông có cử ông T đi nhận máy. Ông Đ thay mặt ông N giao 272 cái máy này cho ông T và yêu cầu ông T viết Biên nhận máy theo như ông T trình bày nêu trên. Hiện nay ông đã thanh toán đủ cho ông N số tiền 700.000.000đ và đã nhận đủ 272 cái máy thanh lý, như vậy việc mua bán giữa ông và ông N đã thực hiện xong, không có tranh chấp. Việc ông Đ bán cho ông N 272 cái máy thanh lý nêu trên và hiện nay kiện ông N đòi nợ tiền mua bán 272 cái máy thanh lý, ông không có liên quan gì nên không có ý kiến. Do bận công việc nên ông xin vắng mặt tại tất cả các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử của Tòa án.

Đối với ông Trần Thanh N đã được Tòa án thông báo thụ lý về nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Tô Ngọc Đ nhưng đến nay ông N vẫn không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng thủ tục tố tụng theo quy định, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Ông N vắng mặt trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa. Căn cứ theo biên nhận ngày 25/11/2023 và trình bày của ông Đ, ông T, ông T1, việc ông N còn thiếu ông Đ số tiền 600.000.000đ là có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, số tiền 48.000.000đ lãi mà ông N đã trả cho ông Đ 02 tháng, tháng 01 và tháng 02 năm 2024, là cao so với quy định tại Điều 357 nên phải điều chỉnh lại, trường hợp còn dư thì đối trừ với số vốn còn thiếu. Ông Đ có quyền khởi kiện tiếp số tiền lãi theo quy định.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tô Ngọc Đ. Buộc ông Trần Thanh N thanh toán cho ông Đ số tiền mua lô máy gồm 272 cái còn nợ sau khi đã đối trừ với số tiền lãi đã đóng còn dư của 02 tháng vào số vốn còn thiếu 600.000.000đ.

Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn là ông Trần Thanh N đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập để tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Còn ông Nguyễn Văn T và ông Dương Văn T1 có yêu cầu xét xử vắng mặt có lý do. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Đối với yêu cầu trả tiền mua lô máy thanh lý gồm 272 cái của ông Đ, xét thấy, ông Đ cho rằng ông có bán lô máy cũ đã qua sử dụng gồm 272 cái cho ông N với giá 1.000.000.000đ, ông N đã trả được 400.000.000đ, còn thiếu 600.000.000đ. Tại tờ giấy viết tay đề ngày 25/11/2023 có nội dung: “ Tôi tên Trần Thanh N, ngụ số A đường T TP C. Tôi có mua lô máy đã qua sử dụng của ông Tô Ngọc Đ F5 TP C 272 máy (Hai trăm bảy mươi hai cái, tổng giá trị 1.000.000.000đ (một tỷ đồng chẵn, tôi hẹn với ông Đ đến ngày 30 tháng 11 năm 2023 tôi thanh toán 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng, số tiền còn lại là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng, tôi N hẹn tới ngày 10 tháng 01 năm 2024 tôi phải thanh toán đủ cho ông Tô Ngọc Đ. Nếu tôi không thực hiện đúng thì tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm với ông Đ. Cà Mau ngày 25 tháng 11/2023”. Ký và ghi họ tên Trần Thanh N.

Còn ông N đã biết việc ông Đ kiện đòi số tiền còn thiếu từ việc mua bán lô máy cũ 272 cái là 600.000.000đ, đã được triệu tập hợp lệ tham gia các phiên họp hòa giải và phiên tòa xét xử, nhưng vẫn cố tình vắng mặt, cũng không gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của ông N, không nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình, nên căn cứ vào nội dung Tờ giấy viết tay có ký và ghi tên Trần Thanh N đề ngày 25/11/2023 và trình bày của ông Đ, ông T và ông T1, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Đ về việc ông N còn nợ ông Đ tiền vốn là 600.000.000đ.

Tại phiên tòa, ông Đ cho rằng, đến tháng 01 năm 2024, ông N không có tiền trả theo như cam kết nên đã thỏa thuận trả lãi cho ông với mức lãi 4%/tháng trên số vốn 600.000.000đ còn thiếu, mỗi tháng trả 24.000.000đ lãi. Quá trình thực hiện trả lãi, ông N đã trả lãi được 02 tháng, là tháng 01 và tháng 02 năm 2024, bằng 48.000.000đ lãi thì ngưng cho đến nay.

Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, ông Đ xác định hiện nay không yêu cầu ông N trả lãi mà sẽ khởi kiện sau nếu có tranh chấp. Tuy nhiên, số lãi mà các bên thỏa thuận và thực hiện của 02 tháng, tháng 01 và tháng 02 năm 2024, bằng 48.000.000đ là vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự nên phải điều chỉnh lại. Cụ thể như sau:

$600.000.000đ \times 20\%/năm \times 02 \text{ tháng} = 19.920.000đ.$

Đổi trừ số tiền lãi phải trả theo quy định là 19.920.000đ với số tiền lãi đã trả 48.000.000đ thì ông N đã trả lãi cho ông Đ nhiều hơn 28.080.000đ. Số tiền này được đổi trừ vào số tiền vốn còn thiếu, như vậy ông N phải thanh toán cho ông Đ số tiền vốn còn thiếu là 571.920.000đ.

Ông Đ có quyền khởi kiện yêu cầu ông N trả lãi sau khi đã trừ đi số tiền lãi đã được tính của 02 tháng, là tháng 01 và 02 năm 2024 bằng vụ án khác.

[4] Đối với việc mua bán lại lô máy cũ gồm 272 cái giữa ông N với ông T và ông T1 là mỗi giao dịch dân sự khác, ông N xác định không có liên quan; ông T và ông T1 xác định đã thực hiện mua bán và thanh toán tiền xong, các bên không có tranh chấp gì; còn ông N vắng mặt nên không thể hiện ý kiến về việc này. Vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập xem xét. Trường hợp các bên có tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: ông N phải chịu đối với số tiền ông Đ được chấp nhận, ông Đ không phải chịu theo quy định tại điều 147 Bộ luật dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Điều 357, 430, 440 Bộ luật dân sự;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tô Ngọc Đ.

Buộc ông Trần Thanh N thanh toán cho ông Tô Ngọc Đ số tiền 571.920.000đ (Năm trăm bảy mươi một triệu chín trăm hai chục ngàn đồng).

Kể từ ngày ông Tô Ngọc Đ có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Thanh N còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông N phải nộp 26.877.000đ (chưa nộp).

Ông Đ được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 14.000.000đ theo biên lai thu số 0008374 ngày 09/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự TP Cà Mau khi án có hiệu lực.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
Ông N, ông T, ông T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Kim Oanh

